

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ KHOÁNG SẢN
HÀ GIANG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2010**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 19



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ KHOÁNG SẢN HÀ GIANG

Số 390 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang

Tỉnh Hà Giang, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Ma Ngọc Tiến	Chủ tịch
Ông Trịnh Ngọc Hiếu	Thành viên
Ông Phạm Thành Đô	Thành viên
Ông Đào Xuân Tuất	Thành viên
Ông Lê Thanh Tuấn	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thắng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 11 tháng 9 năm 2010)

BAN GIÁM ĐỐC

Ông Trịnh Ngọc Hiếu	Giám đốc
Ông Đào Xuân Tuất	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Biên	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

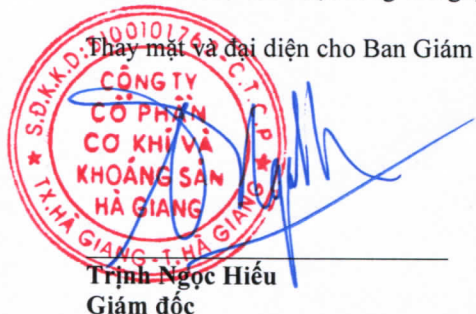
Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,


Trịnh Ngọc Hiếu
Giám đốc

Hà Giang, ngày 04 tháng 3 năm 2011

Số: 300 /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính”) của Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang (gọi tắt là “Công ty”), từ trang 3 đến trang 19. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 01, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Trương Anh Hùng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0029/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 04 tháng 3 năm 2011
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Hoàng Văn Kiên
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1130/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ KHOÁNG SẢN HÀ GIANG

Số 390 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang

Tỉnh Hà Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		132.779.527.477	97.656.984.378
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	59.883.384.366	50.343.095.520
1. Tiền	111		3.307.813.032	5.253.660.770
2. Các khoản tương đương tiền	112		56.575.571.334	45.089.434.750
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		44.400.000.000	5.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	44.400.000.000	5.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		22.266.509.824	32.615.152.037
1. Phải thu khách hàng	131		11.653.213.786	22.750.195.537
2. Trả trước cho người bán	132		2.523.827.462	594.118.962
3. Các khoản phải thu khác	135	7	8.488.454.709	9.637.306.371
4. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(398.986.133)	(366.468.833)
IV. Hàng tồn kho	140	8	6.003.557.494	9.454.952.168
1. Hàng tồn kho	141		6.003.557.494	9.454.952.168
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		226.075.793	243.784.653
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		416.383	-
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		225.659.410	243.784.653
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+250+260)	200		11.462.442.161	8.443.644.206
I. Tài sản cố định	220		9.107.149.604	7.349.663.976
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	6.891.521.318	6.426.080.250
- Nguyên giá	222		20.024.927.448	18.097.268.338
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.133.406.130)	(11.671.188.088)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	1.848.578.321	328.669.401
- Nguyên giá	228		4.555.031.356	2.814.724.401
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.706.453.035)	(2.486.055.000)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		367.049.965	594.914.325
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		532.823.200	532.823.200
1. Đầu tư dài hạn khác	258		532.823.200	532.823.200
III. Tài sản dài hạn khác	260		1.822.469.357	561.157.030
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		303.738.131	385.550.777
2. Tài sản dài hạn khác	268		1.518.731.226	175.606.253
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		144.241.969.638	106.100.628.584

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ KHOÁNG SẢN HÀ GIANG

Số 390 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang

Tỉnh Hà Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		30.936.984.840	19.483.876.599
I. Nợ ngắn hạn	310		30.658.228.344	19.184.158.627
1. Phải trả người bán	312		5.757.527.460	5.248.420.670
2. Người mua trả tiền trước	313		23.200.000	27.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	5.219.625.172	2.173.208.144
4. Phải trả người lao động	315		1.112.922.200	930.616.700
5. Chi phí phải trả	316		197.871.500	1.357.004.902
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	12	12.168.846.256	5.446.674.107
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		6.178.235.756	4.001.234.104
II. Nợ dài hạn	330		278.756.496	299.717.972
1. Phải trả dài hạn khác	333		9.000.000	9.000.000
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		269.756.496	290.717.972
B. NGUỒN VỐN (400 = 410)	400		113.304.984.798	86.616.751.985
I. Vốn chủ sở hữu	410	13	113.304.984.798	86.616.751.985
1. Vốn điều lệ	411		60.000.000.000	60.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		18.785.886.283	7.274.063.899
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		4.706.929.283	4.706.929.283
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		3.981.420.238	1.103.464.642
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		25.830.748.994	13.532.294.161
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		144.241.969.638	106.100.628.584

Trịnh Ngọc Hiếu
Giám đốc

Ngày 04 tháng 3 năm 2010

Đỗ Khắc Hùng
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
1. Doanh thu bán hàng	01	14	95.097.965.580	52.169.303.780
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	71.656.084
3. Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01-02)	10		95.097.965.580	52.097.647.696
4. Giá vốn hàng bán	11	15	35.520.706.931	29.075.131.334
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20 = 10-11)	20		59.577.258.649	23.022.516.362
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	16	7.403.336.997	6.300.437.208
7. Chi phí tài chính	22		11.052.425	62.692.622
8. Chi phí bán hàng	24		501.597.387	915.772.914
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4.880.129.923	3.951.607.147
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		61.587.815.911	24.392.880.887
11. Thu nhập khác	31	17	1.699.051.169	169.326.359
12. Chi phí khác	32		1.156.650.097	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		542.401.072	169.326.359
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		62.130.216.983	24.562.207.246
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	18	4.571.105.061	1.564.006.100
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51)	60		57.559.111.922	22.998.201.146
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	19	9.593	6.853



Trịnh Ngọc Hiếu
Giám đốc

Ngày 04 tháng 3 năm 2010

Đỗ Khắc Hùng
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu số B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2010	Năm 2009
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	62.130.216.983	24.562.207.246
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	1.682.616.077	2.235.638.719
- Các khoản dự phòng	03	32.517.300	(609.870.992)
- (Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(489.371.666)	(1.100.920.311)
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(5.224.352.874)	(2.728.266.077)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	58.131.625.820	22.358.788.585
- Giảm/(tăng) các khoản phải thu	09	11.544.937.696	(4.138.812.972)
- Giảm/(tăng) hàng tồn kho	10	3.348.844.805	(1.678.115.590)
- (Giảm) các khoản phải trả (không bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(5.782.565.544)	(25.004.541.211)
- Giảm/(tăng) chi phí trả trước	12	81.812.646	(116.666.913)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(2.642.562.948)	(1.037.795.412)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	1.500.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(4.693.877.457)	(2.599.426.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	59.988.215.018	(12.215.069.513)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(3.550.546.789)	(65.771.556)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(113.150.413.119)	(54.061.041.793)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	73.750.413.119	96.482.651.959
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(10.000.000)
5. Tiền thu lãi tiền gửi và cho vay	27	4.013.248.951	4.286.961.324
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(38.937.297.838)	46.632.799.934
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36	(12.000.000.000)	(4.241.323.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(12.000.000.000)	(4.241.323.200)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	9.050.917.180	30.176.407.221
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	50.343.095.520	20.113.562.988
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	489.371.666	53.125.311
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	59.883.384.366	50.343.095.520



Trịnh Ngọc Hiếu
Giám đốc

Ngày 04 tháng 3 năm 2010

Đỗ Khắc Hùng
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ KHOÁNG SẢN HÀ GIANG

Số 390 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang

Tỉnh Hà Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang (gọi tắt là “Công ty”), tiền thân là Xí nghiệp Cơ khí Hà Giang được hợp nhất với Công ty Khai thác Chế biến Khoáng sản Hà Giang thành Công ty Cơ khí và Khai thác Khoáng sản Hà Giang theo Quyết định số 604/QĐ-UB ngày 09 tháng 8 năm 1995 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Giang. Theo Quyết định số 2050/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Giang, Công ty Cơ khí và Khai thác Khoáng sản Hà Giang được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang. Công ty Cổ phần chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01 tháng 3 năm 2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1003000027 ngày 28 tháng 02 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Giang cấp và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ 2 số 5100101762 ngày 10 tháng 9 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Giang cấp.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 60.000.000.000 đồng. Trong đó Nhà nước góp là 29.381.400.000 đồng, chiếm 49% vốn điều lệ.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 193 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 190).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Tổ chức thăm dò, khai thác và chế biến các loại khoáng sản;
- Sản xuất gia công các mặt hàng cơ khí và xây lắp các công trình điện vừa và nhỏ đến 35kv;
- Tổ chức các dịch vụ kinh doanh xuất nhập khẩu;
- Xây dựng và lắp đặt các công trình công nghiệp, giao thông và xây dựng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (Xí nghiệp Hợp doanh Hà Vân)

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát là hoạt động của liên doanh được thực hiện bằng cách sử dụng tài sản và nguồn lực khác của các bên góp vốn liên doanh mà không thành lập một cơ sở kinh doanh mới. Mỗi bên góp vốn liên doanh tự quản lý và sử dụng tài sản của mình và chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính và các chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động. Hoạt động của liên doanh có thể được nhân viên của mỗi bên góp vốn liên doanh tiến hành song song với các hoạt động khác của bên góp vốn liên doanh đó. Hợp đồng hợp tác kinh doanh thường quy định căn cứ phân chia doanh thu và khoản chi phí chung phát sinh từ hoạt động liên doanh cho các bên góp vốn liên doanh.

Mỗi bên góp vốn liên doanh phải phản ánh các hoạt động kinh doanh được đồng kiểm soát trong báo cáo tài chính của mình, gồm:

- (a) Tài sản do bên góp vốn liên doanh kiểm soát và các khoản nợ phải trả mà họ phải gánh chịu;
- (b) Chi phí phải gánh chịu và doanh thu được chia từ việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.

Ngày 20 tháng 10 năm 2003, Công ty Cơ khí và Khai thác Khoáng sản Hà Giang đã ký hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Kinh Mậu Chúng Thao (Vân Nam - Trung Quốc) về việc hợp tác kinh doanh trên cơ sở hợp đồng tiếp tục dự án liên doanh khai thác, tuyển luyện sắt và chì kẽm tại mỏ Na Sơn - Tùng Bá thuộc huyện Vị Xuyên và huyện Bắc Mê tỉnh Hà Giang.

Theo Giấy phép đầu tư số 01/GP-HG ngày 03 tháng 11 năm 2003, thời gian thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh này là 5 năm (không kể 6 tháng làm đường và kéo điện vào khu vực mỏ), hợp đồng hợp tác kinh doanh này đã kết thúc vào ngày 03 tháng 5 năm 2009. Phía Việt Nam cam kết góp 324.900 USD, tương đương 5.048.224.341 đồng và chiếm 30% vốn liên doanh; phía Trung Quốc cam kết góp 758.100 USD, tương đương 11.775.708.336 đồng và chiếm 70% vốn liên doanh. Sau khi thực hiện các nghĩa vụ thuế với Nhà nước Việt Nam, lợi nhuận sẽ được trích Quỹ dự phòng tài chính và Quỹ khen thưởng, phúc lợi theo quy định trong hợp đồng hợp tác kinh doanh. Lợi nhuận còn lại sau khi trích quỹ sẽ được chia theo tỷ lệ vốn góp; theo đó, phía Việt Nam sẽ được hưởng 30% và phía Trung Quốc sẽ được hưởng 70%.

Đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty và Công ty TNHH Kinh Mậu Chúng Thao (Trung Quốc) đã hết thời hạn và hai bên đã quyết định chấm dứt hoạt động của Xí nghiệp Hợp doanh Hà Vân theo Biên bản làm việc ngày 04 tháng 8 năm 2009. Theo biên bản làm việc ngày 02 tháng 03 năm 2010 về việc “thanh lý toàn bộ tài sản Xí nghiệp Hợp doanh Hà Vân”, hai bên nhất trí Công ty TNHH Kinh Mậu Chúng Thao bán lại cho Công ty quyền lợi về tài sản của công ty này tại Xí nghiệp Hợp doanh Hà Vân gồm:

- Phần lợi ích của bên Công ty TNHH Kinh Mậu Chúng Thao:
 - + Giá trị thanh lý các loại tài sản được chia: Nhà xưởng, máy móc thiết bị, công cụ dụng cụ, vật tư, hàng hóa, sản phẩm;
 - + Phần chi phí mà bên Công ty TNHH Kinh Mậu Chúng Thao ứng trước cho sản xuất tại Xí nghiệp Hợp doanh Hà Vân;
 - + Phần các quỹ được chia: Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ dự phòng tài chính, Quỹ khen thưởng phúc lợi.
- Phần nghĩa vụ của bên Công ty TNHH Kinh Mậu Chúng Thao:
 - + Các khoản chi phí phải trả được chia: phần lỗ lũy kế tại Xí nghiệp Hợp doanh Hà Vân mà Công ty TNHH Kinh Mậu Chúng Thao phải gánh chịu;
 - + Nợ tiền hàng của Xí nghiệp.

Theo biên bản làm việc ngày 12 tháng 12 năm 2010 với Công ty TNHH Kinh Mậu Chúng Thao, hai bên nhất trí bù công nợ phải thu, phải trả và phân chia các quỹ. Theo đó, Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang còn phải thu của Công ty TNHH Kinh Mậu Chúng Thao với số tiền là 2.493.754.252 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ KHOÁNG SẢN HÀ GIANG

Số 390 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang

Tỉnh Hà Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, vàng, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2010
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc, thiết bị	05 - 07
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình bao gồm giá trị quyền sử dụng đất tại đường Trần Phú, chi phí đầu tư nghiên cứu thăm dò điểm quặng antimon (bản quyền khai thác mỏ antimon), bản quyền bằng sáng chế - đề tài Chì-Kẽm.

Công ty đang áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với các tài sản cố định vô hình, thời gian sử dụng ước tính của các tài sản này là 05 năm. Riêng tài sản cố định là quyền sử dụng đất sẽ được khấu hao theo thời hạn sử dụng, quyền sử dụng đất không thời hạn sẽ không được khấu hao.

Theo Quyết định số 2623/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2009 của UBND tỉnh Hà Giang, Công ty sẽ được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng 130.940,7 m² đất tại xã Mậu Duệ, huyện Yên Minh để khai thác quặng antimon với thời hạn sử dụng đất là 30 năm kể từ ngày 27 tháng 12 năm 1996. Giá trị để có quyền sử dụng đất được đánh giá là không đáng kể.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác bao gồm khoản tiền góp vốn vào Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ. Tổng vốn điều lệ của Quỹ là 30 tỷ đồng, trong đó Công ty góp 500 triệu đồng, chiếm 1,7% vốn điều lệ.

Vốn quỹ

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu. Quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính, quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế hàng năm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông của Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ KHOÁNG SẢN HÀ GIANG

Số 390 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang

Tỉnh Hà Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty đang được hưởng ưu đãi thuế theo quy định tại Thông tư số 134/2007/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2007 của Bộ Tài chính (nay được thay thế bằng Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính) và Công văn số 3654/TCT-CS ngày 30 tháng 9 năm 2008 của Tổng cục thuế. Theo đó, Công ty được áp dụng mức thuế suất ưu đãi là 10% trong 15 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh, được miễn thuế trong 04 năm kể từ khi có lãi và được giảm 50% trong 09 năm tiếp theo.

Năm 2009 là năm thứ tư công ty hoạt động liên tục có lãi từ sau khi cổ phần hóa và được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, theo Công văn số 555/CT-KTT ngày 31 tháng 7 năm 2009 của Cục thuế tỉnh Hà Giang, năm 2007 là năm cuối cùng Công ty được hưởng ưu đãi miễn thuế; từ năm 2008 trở đi Công ty sẽ bắt đầu áp dụng ưu đãi giảm 50% số thuế phải nộp với mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10%. Do chưa có sự thống nhất về ưu đãi thuế nêu trên nên Công ty đã tính và kê khai thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2010 theo quy định của Công văn số 555/CT-KTT.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế suất thuế tài nguyên khai thác quặng antimon cho 6 tháng đầu năm 2010 là 7%. Theo Nghị định số 50/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế tài nguyên, thuế suất thuế tài nguyên khai thác quặng antimon áp dụng từ ngày 01 tháng 7 năm 2010 là 10%.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ KHOÁNG SẢN HÀ GIANG

Số 390 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang

Tỉnh Hà Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Tiền mặt	601.964.628	512.482.448
Tiền gửi ngân hàng	2.705.848.404	4.741.178.322
Các khoản tương đương tiền	56.575.571.334	45.089.434.750
	59.883.384.366	50.343.095.520

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Giang	35.000.000.000	5.000.000.000
Tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Giang	9.400.000.000	-
	44.400.000.000	5.000.000.000

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Lỗ của Xí nghiệp Hợp doanh Hà Vân phải thu bên Trung Quốc (i)	2.493.754.252	4.303.552.823
Tiền đã chi hộ Xí nghiệp Hợp doanh Hà Vân (ii)	4.655.866.399	4.677.730.442
Các khoản phải thu khác	1.338.834.058	656.023.106
	8.488.454.709	9.637.306.371

(i) Theo biên bản làm việc ngày 12 tháng 12 năm 2010 với Công ty TNHH Kinh Mậu Chúng Thao (Trung Quốc), hai bên thống nhất bù trừ các khoản công nợ phải thu, phải trả và phân chia các quỹ giữa hai bên đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2010.

(ii) Trong đó khoản tiền đã chi hộ Xí nghiệp Hợp doanh Hà Vân bao gồm:

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Các khoản phải thu khác	-	5.639.449
Nguyên vật liệu	1.725.736.001	1.725.736.001
Công cụ, dụng cụ	116.280.974	116.280.974
Thành phẩm	2.453.296.298	2.453.296.298
Tài sản ngắn hạn khác	-	16.224.594
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình	746.004.491	746.004.491
Giá trị hao mòn lũy kế tài sản cố định hữu hình	(746.004.491)	(746.004.491)
Tài sản dài hạn khác	360.553.126	360.553.126
	4.655.866.399	4.677.730.442

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.832.288.629	2.448.244.526
Công cụ, dụng cụ	424.609.743	646.086.950
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	565.140.592	307.392.167
Thành phẩm	3.181.518.530	6.053.228.525
Cộng	6.003.557.494	9.454.952.168
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	6.003.557.494	9.454.952.168

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ KHOÁNG SẢN HÀ GIANG

Số 390 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang

Tỉnh Hà Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại ngày 01/01/2010	8.036.207.588	7.243.199.370	2.592.993.681	224.867.699	18.097.268.338
Tăng trong năm	-	1.902.279.110	-	25.380.000	1.927.659.110
Mua trong năm	-	100.000.000	-	25.380.000	125.380.000
XDCB hoàn thành	-	1.802.279.110	-	-	1.802.279.110
Số dư tại ngày 31/12/2010	8.036.207.588	9.145.478.480	2.592.993.681	250.247.699	20.024.927.448
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại ngày 01/01/2010	5.315.867.894	5.148.980.056	1.004.953.553	201.386.585	11.671.188.088
Tăng trong năm	547.215.025	601.369.584	285.217.318	28.416.115	1.462.218.042
Khấu hao trong năm	547.215.025	601.369.584	285.217.318	28.416.115	1.462.218.042
Số dư tại ngày 31/12/2010	5.863.082.919	5.750.349.640	1.290.170.871	229.802.700	13.133.406.130
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2010	2.173.124.669	3.395.128.840	1.302.822.810	20.444.999	6.891.521.318
Tại ngày 31/12/2009	2.720.339.694	2.094.219.314	1.588.040.128	23.481.114	6.426.080.250

Nguyên giá của Tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 8.522.871.259 đồng.

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Bản quyền, bằng sáng chế VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại ngày 01/01/2010	117.288.500	380.554.359	2.316.881.542	2.814.724.401
Tăng trong năm	1.740.306.955	-	-	1.740.306.955
Số dư tại ngày 31/12/2010	1.857.595.455	380.554.359	2.316.881.542	4.555.031.356
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại ngày 01/01/2010	-	380.554.359	2.105.500.641	2.486.055.000
Khấu hao trong năm	9.017.134	-	211.380.901	220.398.035
Số dư tại ngày 31/12/2010	9.017.134	380.554.359	2.316.881.542	2.706.453.035
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2010	1.848.578.321	-	-	1.848.578.321
Tại ngày 31/12/2009	117.288.500	-	211.380.901	328.669.401

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ KHOÁNG SẢN HÀ GIANG

Số 390 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang

Tỉnh Hà Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1.652.917.252	659.147.417
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.335.536.920	1.406.994.807
Thuế thu nhập cá nhân	15.345.600	2.615.000
Thuế tài nguyên	210.575.300	100.750.720
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	353.000	353.000
Các loại thuế khác	4.897.100	3.347.200
	5.219.625.172	2.173.208.144

12. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Các quỹ của Xí nghiệp Hợp doanh Hà Vân (i)	-	4.804.128.676
Phải trả bên Trung Quốc (Lãi của Xí nghiệp Hợp doanh Hà Vân)	-	35.168
Lãi phải trả do nộp chậm tiền bán cổ phần theo quy định	-	381.054.807
Kinh phí công đoàn	37.838.672	74.461.624
Cổ tức năm 2010 chưa trả	12.000.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	131.007.584	186.993.832
	12.168.846.256	5.446.674.107

(i) Các quỹ của Xí nghiệp Hợp doanh Hà Vân được trích từ lợi nhuận được phân chia của các bên Hợp doanh và được sử dụng chung nên không thuộc nguồn vốn của Công ty. Theo biên bản thỏa thuận ngày 12 tháng 12 năm 2010 với Công ty TNHH Kinh Mậu Chúng Thao (Trung Quốc), hai bên thống nhất phân chia các quỹ đã trích lập từ năm 2006 đến năm 2010 như sau:

	31/12/2009
Các quỹ của Xí nghiệp Hợp doanh Hà Vân	
Quỹ đầu tư phát triển	2.100.582.751
Quỹ dự phòng tài chính	2.100.582.751
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	602.963.174
	4.804.128.676

Phân chia quỹ cho các bên được hưởng

Công ty TNHH Kinh Mậu Chúng Thao - Trung Quốc (70%)	3.362.890.073
Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang - Việt Nam (30%)	1.441.238.603

Công ty đã hạch toán phần quỹ được chia vào tài khoản 711 - "Thu nhập khác". Cũng theo biên bản làm việc ngày 12 tháng 12 năm 2010 với Công ty TNHH Kinh Mậu Chúng Thao (Trung Quốc), hai bên thống nhất bù trừ các khoản công nợ giữa hai bên đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2010. Theo đó, phần quỹ phải trả cho công ty TNHH Kinh Mậu Chúng Thao được bù trừ với các khoản công nợ khác và đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2010, đang theo dõi trên tài khoản "Phải thu khác".

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ KHOÁNG SẢN HÀ GIANG

Số 390 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang

Tỉnh Hà Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***13. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

Đơn vị: VND

	Vốn điều lệ	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (i)
Số dư tại ngày 01/01/2009	10.000.000.000	4.934.577.130	36.860.205.333	2.500.000.000	1.328.815.077	15.933.509.989
Tăng trong năm	50.000.000.000	-	4.413.858.566	2.206.929.283	1.103.464.642	22.998.201.146
Tăng trong năm	50.000.000.000	-	4.413.858.566	2.206.929.283	1.103.464.642	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	22.998.201.146
Giảm trong năm	-	4.934.577.130	34.000.000.000	-	1.328.815.077	25.399.416.974
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	10.992.567.631
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	4.241.323.200
Giảm để tăng vốn điều lệ	-	4.934.577.130	34.000.000.000	-	1.328.815.077	9.736.607.793
Giảm khác	-	-	-	-	-	428.918.350
Số dư tại ngày 31/12/2009	60.000.000.000	-	7.274.063.899	4.706.929.283	1.103.464.642	13.532.294.161
Tăng trong năm	-	-	11.511.822.384	-	2.877.955.596	57.559.111.922
Tăng trong năm	-	-	11.511.822.384	-	2.877.955.596	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	57.559.111.922
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	45.260.657.089
Trích các quỹ (ii)	-	-	-	-	-	21.037.689.173
Chia cổ tức (iii)	-	-	-	-	-	24.000.000.000
Giảm khác	-	-	-	-	-	222.967.916
Số dư tại ngày 31/12/2010	60.000.000.000	-	18.785.886.283	4.706.929.283	3.981.420.238	25.830.748.994

(i) Số dư lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 25.830.748.994 đồng bao gồm cả lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện là 489.371.666 đồng không được dùng để chia lãi cho các cổ đông.

(ii) Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 01/2011/NQ-HĐQT ngày 18 tháng 01 năm 2011, Công ty tạm trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2010 cho các quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng, phúc lợi với tỉ lệ lần lượt là 20% và 10%. Đối với quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu, Công ty trích 5% từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sau thuế theo Điều 43 - Điều lệ hoạt động công ty. Số trích các quỹ chính thức sẽ được Đại hội đồng Cổ đông của Công ty phê chuẩn trong năm 2011.

(iii) Trong đó 12.000.000.000 đồng là cổ tức của năm 2009 đã thanh toán cho các cổ đông trong năm 2010. Theo Nghị quyết số 03/NQ-ĐHCĐTN ngày 31 tháng 3 năm 2010, mức cổ tức năm 2010 tối thiểu đạt 20% vốn điều lệ. Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 01/2011/NQ-HĐQT ngày 18 tháng 01 năm 2011, Công ty tạm thời xác định tỷ lệ chia cổ tức trong năm 2010 là 20% vốn điều lệ, tương đương 12.000.000.000 đồng. Các cổ đông của Công ty sẽ phê duyệt mức cổ tức này tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2011. Công ty đang theo dõi khoản cổ tức 2010 chưa trả trên tài khoản 338 - "Phải trả, phải nộp khác".



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ KHOÁNG SẢN HÀ GIANG

Số 390 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang

Tỉnh Hà Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi ngày 13 tháng 7 năm 2009, vốn điều lệ của Công ty là 60 tỷ đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, vốn điều lệ của Công ty đã được góp đủ, chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2010		
	Số cổ phần	Tỷ lệ %	Giá trị (VND)
Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)	2.938.140	49	29.381.400.000
Cổ đông đặc biệt (HĐQT, BKS, BGĐ, KTT)	307.100	5	3.071.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Đông Dương	300.000	5	3.000.000.000
Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	472.200	8	4.722.000.000
Các cổ đông khác	1.982.560	33	19.825.600.000
	6.000.000	100	60.000.000.000

14. DOANH THU

	2010 VND	2009 VND
Doanh thu bán hàng	95.097.965.580	52.169.303.780
Doanh thu kim loại antimon	95.097.965.580	51.811.023.349
Doanh thu tinh chì, kẽm	-	358.280.431
	95.097.965.580	52.169.303.780

15. GIÁ VỐN

	2010 VND	2009 VND
Giá vốn hàng bán	35.520.706.931	29.075.131.334
Giá vốn kim loại antimon	35.520.706.931	26.946.790.153
Giá vốn tinh chì, kẽm	-	2.128.341.181
	35.520.706.931	29.075.131.334

16. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2010 VND	2009 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.209.038.626	2.178.771.328
Cổ tức, lợi nhuận được chia	13.940.000	445.739.270
Lãi bán ngoại tệ	-	844.800.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	668.910.366	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	489.371.666	1.100.920.311
Lãi bán hàng trả chậm	993.375.821	1.715.101.219
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.028.700.518	15.105.080
	7.403.336.997	6.300.437.208

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ KHOÁNG SẢN HÀ GIANG

Số 390 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang

Tỉnh Hà Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***17. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Cho thuê địa điểm kinh doanh	150.809.091	48.000.000
Thanh lý tài sản, phế liệu	-	68.636.363
Tiền chia 30% các quỹ từ Xí nghiệp Hợp doanh Hà Vân (i)	1.441.238.603	-
Các khoản khác	107.003.475	52.689.996
	1.699.051.169	169.326.359

(i) Theo biên bản thỏa thuận ngày 12 tháng 12 năm 2010 với Công ty TNHH Kinh Mậu Chúng Thao (Trung Quốc), hai bên thống nhất phân chia các quỹ đã trích lập từ năm 2006 đến năm 2010 như đã trình bày tại Thuyết minh số 12. Công ty đã hạch toán phần quỹ được chia (30%) vào tài khoản 711 - "Thu nhập khác".

18. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lợi nhuận trước thuế	62.130.216.983	24.562.207.246
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(489.371.666)	(1.100.920.491)
Thu nhập chịu thuế	61.640.845.317	23.461.286.755
<i>Trong đó:</i>		
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh chính	54.195.531.339	18.155.136.301
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh khác	7.445.313.978	5.306.150.454
Thuế suất (i)	10% và 25%	10% và 25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.280.881.628	3.142.051.244
<i>Ưu đãi giảm thuế:</i>		
a- Ưu đãi giảm 50% thuế	2.709.776.567	907.756.815
b- Ưu đãi giảm 30% thuế theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC	-	670.288.329
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	4.571.105.061	1.564.006.100

(i) Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh khác không được hưởng ưu đãi miễn, giảm thuế theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008.

19. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	2010 VND	2009 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	57.559.111.922	22.998.201.146
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	6.000.000	3.356.164
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	9.593	6.853

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ KHOÁNG SẢN HÀ GIANG

Số 390 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang

Tỉnh Hà Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***20. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	26.095.406.017	23.060.281.960
Chi phí nhân công	6.281.510.840	8.167.903.029
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.412.248.194	1.935.781.507
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.181.800.079	16.897.048.623
Chi phí khác bằng tiền	2.286.890.998	2.188.356.070
	53.257.856.128	52.249.371.189

21. XỬ LÝ ĐỐI VỚI HỢP ĐỒNG HỢP TÁC KINH DOANH XÍ NGHIỆP HỢP DOANH HÀ VÂN

Hiện tại, Công ty và Công ty TNHH Kinh Mậu Chúng Thao (Trung Quốc) đang trong quá trình tiến hành các công việc liên quan để xử lý các khoản chi hộ và sẽ thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh này. Theo biên bản làm việc ngày 25 tháng 02 năm 2011, Công ty đồng ý về nguyên tắc sẽ mua lại các tài sản cố định của Công ty TNHH Kinh Mậu Chúng Thao đã đầu tư vào Xí nghiệp Hợp doanh Hà Vân, tuy nhiên, việc mua tài sản này là nghiệp vụ mua bán tài sản thông thường, không liên quan đến việc thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh của Xí nghiệp Hợp doanh Hà Vân. Các công việc nêu trên dự kiến sẽ hoàn thành trong năm 2011. Ban Giám đốc Công ty đánh giá việc xử lý các khoản chi hộ nêu trên cũng như việc thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Kinh Mậu Chúng Thao sẽ không ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

22. NGHIỆP VỤ VÀ SƠ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Bán hàng trong năm		
Bán chì, kẽm cho Công ty TNHH Kinh Mậu Chúng Thao	-	1.194.268.103
Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:		
	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Các khoản phải thu		
Phải thu Công ty TNHH Kinh Mậu Chúng Thao	-	2.803.338.090
Lỗ Xí nghiệp Hợp doanh Hà Vân phải thu Công ty TNHH Kinh Mậu Chúng Thao	2.493.754.252	4.303.552.823
Các khoản phải trả		
Phải trả Công ty TNHH Kinh Mậu Chúng Thao	-	102.472.437
Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:		
	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lương	662.836.600	413.097.500
Tiền thưởng	302.778.050	180.347.000
Các khoản phúc lợi khác	72.000.000	36.600.000
	1.037.614.650	630.044.500

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ KHOÁNG SẢN HÀ GIANG

Số 390 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang

Tỉnh Hà Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***23. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 01/2011/NQ-HĐQT ngày 18 tháng 01 năm 2011, Công ty xây dựng phương án tăng vốn điều lệ năm 2011 từ 60 tỷ đồng lên 120 tỷ đồng bằng hình thức phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:1 và sẽ trình đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011.

24. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này, cụ thể:

Khoản mục	Số trước phân loại lại 31/12/2009	Số sau phân loại lại 31/12/2009	Chênh lệch
	VND	VND	VND
Quỹ khen thưởng phúc lợi - mã số 431	4,001,234,104	-	(4,001,234,104)
Quỹ khen thưởng phúc lợi - mã số 323	-	4,001,234,104	4,001,234,104

Theo quy định tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính “Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp”: số hiệu tài khoản 431 - “Quỹ khen thưởng, phúc lợi” được đổi thành tài khoản 353 - “Quỹ khen thưởng, phúc lợi”. Đồng thời, “Quỹ khen thưởng, phúc lợi” được trình bày trên bảng cân đối kế toán tại khoản mục “Nợ phải trả” với mã số 323 thay vì trình bày tại khoản mục Nguồn vốn với mã số 431.



Trịnh Ngọc Hiếu
Giám đốc

Ngày 04 tháng 3 năm 2010

Đỗ Khắc Hùng
Kế toán trưởng